**MỘT SỐ CĂN DẶN VỚI HỌC SINH VÀ PHỤ HUYNH**

**\* ĐỐI VỚI HỌC SINH**

1/ Phần **nội dung bài học các em chép vào tập** ghi trên lớp còn phần **bài tập củng cố hoặc bài tập bổ sung các em làm vào vở bài tập hoặc tập học buổi chiều.**

2/ Khi học bài các em cần **xem và đọc nội dung bài học, câu hỏi trong SGK**.

3/ Hàng ngày, các em đều **phải học ít nhất là 1 bài mới và làm bài tập** đầy đủ. Nếu có thắc mắc, không hiểu bài các em có **thể liên hệ với giáo viên bộ môn, GVCN** để nhờ giải đáp.

4/ Đề cương các em **phải bảo quản cẩn thận** để khi đi học lại sử dụng ôn thi cuối năm.

**\* ĐỐI VỚI PHỤ HUYNH**

1/ Phụ huynh cấn phối hợp chặt chẽ với nhà trường, GVCN, GVBM để báo cáo tình hình học tập và làm bài của các em.

2/ Phụ huynh thường xuyên nhắc nhở các em học bài, làm bài tập và chép bài đầy đủ.

3/ Mọi thắc mắc về bài học phụ huynh liên hệ ngay với GVBM hoặc GVCN để được hỗ trợ.

**MÔN ĐỊA LÍ**

***Lưu ý học ở nhà:***

* *Các em chép nội dung bài học vào vở học trên lớp.*
* *Bài tập làm ra một cuốn vở riêng có ghi rõ họ tên, lớp. Bài tập của mỗi bài đều lấy điểm miệng. Riêng bài tập của bài* ***ôn tập*** *lấy điểm 15 phút cũng làm chung trong 1 cuốn vở. Sau này có thông báo sẽ nộp cuốn vở bài tập cho Giáo viên chấm điểm. Bạn nào không nộp vở hay nộp trễ xem như 0đ.*
* **( Riêng lớp 9/1 đến lớp 9/6 làm bài tập trong sách bài tập bản đồ )**
* *Trong quá trình làm bài tập, các em nghiên cứu, đọc thêm trong sách giáo khoa và các tài liệu liên quan trên Internet.*

**BÀI 35: VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG.**

|  |
| --- |
| **1. Vị trí địa lí ,giới hạn lãnh thổ:**- Vị trí liền kề phía tây Đông Nam Bộ, phía bắc giáp Cam-pu-chia, tây nam là vịnh Thái Lan, đông nam là Biển Đông.- Dân số (16,7 triệu người năm 2002)- Ý nghĩa: thuận lợi cho giao lưu trên đất liền và biển trong và ngoài nước. |

|  |
| --- |
| **2. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên:**- Giàu tài nguyên để phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt lĩnh vực nông nghiệp: + Đồng bằng rộng. + Đất phù sa có diện tích lớn. + Khí hậu nóng ẩm. + Nguồn nước dồi dào. + Sinh vật phong phú và đa dạng. - Khó khăn: lũ lụt; diện tích đất phèn, đất mặn lớn; thiếu nước ngọt, mùa khô. |
|  |
| **3.Đặc điểm dân cư, xã hội:**- Đặc điểm: đông dân ; ngoài người kinh, còn có người: Khơme, Chăm và Hoa.- Thuận lợi: lao động dồi dào , có kinh nghiệm SX NN hàng hóa ; thị trường tiêu thụ lớn .- Khó khăn: mặt bằng dân trí chưa cao (tỉ lệ người lớn biết chữ: 88,1%). |

**Bài tập.**

Câu 1: Xác định vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 2: Trình bày những nét nổi bật về tự nhiên vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 3: Dân cư vùng Đồng bằng sông Cửu Long có những đặc điểm nào?

**BÀI 36: VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG (tt)**

|  |
| --- |
| **IV. Tình hình phát triển kinh tế:**1. *Nông nghiệp:*

- Đồng bằng sông Cửu Long là vùng trọng điểm lúa lớn nhất cả nước. + Bình quân lương thực theo đầu người là 1066,3 kg gấp 2,3 lần trung bình cả nước năm 2002. + Lúa trồng nhiều ở các tỉnh Long An, An Giang, Đồng Tháp, Sóc Trăng… - Là vùng trồng cây ăn quả lớn nhất cả nước.- Nghề nuôi vịt đàn phát triển mạnh.- Ngành nuôi trồng và đánh bắt thuỷ hải sản rất phát triển.- Rừng giữ vị trí rất quan trọng, đặc biệt là rừng ngập mặn. |

|  |
| --- |
| *2. Công nghiệp:*- Bắt đầu phát triển - Tỉ trọng công nghiệp còn thấp, khoảng 20% GDP toàn vùng năm 2002- Hầu hết các cơ sở sản xuất công nghiệp tập trung tại các thành phố và thị xã.- Các ngành công nghiệp: Chế biến lương thực thực phẩm , vật liệu xây dựng , cơ khí nông nghiệp và một số ngành công nghiệp khác. |

|  |
| --- |
| *3. Dịch vụ :*- Khu vực dịch vụ ở Đồng bằng sông Cửu Long gồm các ngành chủ yếu: xuất nhập khẩu, vận tải thuỷ, du lịch.  + Hàng xuất khẩu chủ lực là gạo (chiếm 80%) năm 2002, thuỷ sản đông lạnh, hoa quả. + Giao thông đường thủy giữ vai trò quan trọng.- Du lịch sinh thái bắt đầu khởi sắc: DL trên song nước, miệt vườn, biển đảo. |

|  |
| --- |
| **V. Các trung tâm kinh tế:**- Các thành phố Cần Thơ, Mỹ Tho, Long Xuyên, Cà Mau. - Trong đó Cần Thơ là trung tâm kinh tế lớn nhất. |

**Bài tập.**

 Câu 1: Trình bày những đặc điểm ngành nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 2: Công nghiệp và dịch vụ vùng Đồng bằng sông Cửu Long có điểm khác biệt nào so với các vùng khác.

**BÀI 37 – THỰC HÀNH:**

**VẼ VÀ PHÂN TÍCH BIỂU ĐỒ VỀ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CỦA NGÀNH THỦY SẢN Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài tập 1:**- Xử lý số liệu: (%)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Sản lượng** | **ĐB sông****Cửu Long** | **ĐB Sông Hồng** | **Các vùng khác** |
| *Cá biển khai thác* | 41.5% | 4.6% | 53.9% |
| *Cá nuôi* | 58.3% | 22.8% | 18.9% |
| *Tôm nuôi* | 76.7% | 3.9% | 19.4% |

- Vẽ biểu đồ. Nhận xét:+ Tỉ trọng sản lượng cá biển cá nuôi ,tôm nuôi ở đồng bằng sông Cửu Long vượt xa đồng bằng sông Hồng . Đồng bằng sông Cửu Long là vùng sản xuất thủy sản lớn nhất cả nước với tỉ trọng sản lượng ngành rất cao. + Các sản lượng cá biển khai thác, cá nuôi, tôm nuôi tỉ trọng sản lượng 76,7%. |

|  |
| --- |
| **Bài tập 2:** *a. Thế mạnh để phát triển ngành thủy sản:*- Về điều kiện tự nhiên: Có diện tích vùng nước trên cạn và trên biển rộng lớn. Nguồn cá, tôm dồi dào. Có các bãi tôm bãi cá trên biển rộng lớn.- Nguồn lao động: Có kinh nghiệm và tay nghề đánh bắt thuỷ hải sản cao. Người dân thích ứng linh hoạt với nền KT thị trường, năng động, nhạy bén với tiến bộ mới trong sản xuất và kinh doanh.- Vùng có nhiều cơ sở chế biến thuỷ hải sản, sản phẩm chủ yếu để xuất khẩu. - Sản phẩn thuỷ hải sản của vùng có thị trường tiêu thụ rộng lớn: Trong nước, trong khu vực, …*b. Thế mạnh của nghề nuôi tôm xuất khẩu:*- Về điều kiện tự nhiên: Có diện tích mặt nước rộng lớn. Do nuôi tôm đạt lợi nhuận cao- tiếp thu KTCN tiên tiến trong nuôi tôm xuất khẩu.- Lao động dồi dào, cơ sở chế biến. Thị trường tiêu thụ rộng lớn kích thích nghề nuôi tôm xuất khẩu. *c. Khó khăn trong phát triển ngành thủy sản vùng:*- Việc đầu tư cho đánh bắt xa bờ còn hạn chế.- Hệ thống công nghiệp chế biến chất lượng cao chưa được đầu tư nhiều.- Chủ động nguồn giống an toàn, năng suất cao, chất lượng tốt, chủ động thị trường, chủ động tránh né các hàng rào cản của các nước nhập khẩu các sản phẩm (hàng rào thuế quan). |



**BÀI 38: PHÁT TRIỂN TỔNG HỢP KINH TẾ VÀ**

**BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG BIỂN – ĐẢO.**

|  |
| --- |
| **I. Biển và đảo Việt Nam:** *1.Vùng biển nước ta:*- Bờ biển dài 3260km, rộng khoảng 1 triệu km2.- Vùng biển nước ta là một bộ phận của Biển Đông gồm: nội thuỷ, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa- Cả nước có 28(trong số 63 ) tỉnh và thành phố giáp biển. *2. Các đảo và quần đảo:*- Vùng biển nước ta có hơn 3000 đảo lớn nhỏ, chia thành đảo ven bờ và đảo xa bờ. +Các đảo lớn : Cát Bà, Cái Bầu, Bạch Long Vĩ, Cồn Cỏ, Lý Sơn, Côn Đảo, Phú Quý, Phú Quốc, Thổ Chu. + Các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.\* Ý nghĩa:+ Vùng biển nước ta có nhiều tiềm năng thuận lợi cho việc phát triển tổng hợp kinh tế biển.+ Ý nghĩa về an ninh, quốc phòng. |

|  |
| --- |
| **II. Phát triển tổng hợp kinh tế biển:** *1. Khai thác nuôi trồng và chế biến hải sản:*- Tiềm năng rất lớn: Nhiều loài cá, tôm có giá trị cao, tập trung ở bốn ngư trường trọng điểm, tổng trữ lượng 4 triệu tấn, cho phép khai thác là 1.9 triệu tấn / năm.- Thực trạng: +Đánh bắt ven bờ, chủ yếu. + Đẩy mạnh khai thác xa bờ, nuôi trồng hải sản và hiện đại công nghiệp chế biến hải sản. *2. Du lịch biển đảo:*- Tiềm năng : tài nguyên du lịch biển phong phú : trên 120 bãi cát rộng, dài, phong cảnh đẹp, có Vịnh Hạ Long được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới.- Thực trạng : một số trung tâm du lịch biển đang phát triển nhanh thu hút khách du lịch trong và ngoài nước, chủ yếu là hoạt động tắm biển. |

**Bài tập.**

Câu 1: Biển và đảo nước ta có những đặc điểm nào?

Câu 2: Ngành khai thác, nuôi trồng và chế biến hải sản ở nước ta hiện nay ?

Câu 3: Du lịch biển ở nước ta trong giai đoạn hiện nay phát triển ra sao?

**BÀI 39: PHÁT TRIỂN TỔNG HỢP KINH TẾ VÀ**

**BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG BIỂN – ĐẢO (tt).**

|  |
| --- |
| **II. Phát triển tổng hợp kinh tế biển:** *3. Khai thác và chế biến khoáng sản biển:*- Tiềm năng: dầu mỏ, khí đốt, ti tan, cát trắng muối.+ Muối: tiềm năng vô tận, phát triển lâu dài . (Sa Huỳnh, Cà Ná)+Khai thác ti tan xuất khẩu từ nhiều bãi cát dọc bờ biển.Khai thác cát chế biến thủy tinh (Vân Hải, Cam Ranh)+ Khai thác dầu khí là ngành kinh tế mũi nhọn, chiếm vị trí hàng đầu trong sự nghiệp CNH, HĐH. Ngành CN hóa dầu đang dần hình thành. *4. Phát triển tổng hợp giao thông vận tải biển:*-Tiềm năng: gần nhiều tuyến đường biển quốc tế quan trọng; có nhiều vũng, vịnh và một số cửa sông thuận lợi cho việc xây dựng các cảng nước sâu.- Thực trạng: có hơn 120 cảng biển (lớn nhất là cảng Sài Gòn- 12 triệu tấn/ năm), đang phát triển mạnh và ngày càng hiện đại .  |

|  |
| --- |
| **III. Bảo vệ tài nguyên và môi trường biển - đảo:** *1. Sự giảm sút tài nguyên và ô nhiễm môi trường biển-đảo:*+ Diện tích rừng ngập mặn ở nước ta giảm nhanh. + Nguồn thủy sản giảm đáng kể, một số loài hải sản có nguy cơ tuyệt chủng.+ Ô nhiễm môi trường biển gia tăng rõ rệt, làm suy giảm nguồn sinh vật biển.- Nguyên nhân :+ Thiên tai, khai thác rừng nuôi thủy sản.+ Đánh bắt quá mức.+ Môi trường bị ô nhiễm.- Hậu quả: Suy giảm tài nguyên sinh vật, ảnh hưởng xấu chất lượng du lịch. *2. Các phương hướng chính để bảo vệ tài nguyên và môi trường biển:*- Điều tra, đánh giá tiềm năng sinh vật tại các vùng biển sâu, đầu tư chuyển hướng khai thác hải sản từ ven bờ sang các vùng xa bờ.- Bảo vệ rừng ngập mặn, đẩy mạnh các chương trình trồng rừng ngập mặn.- Bảo vệ rạn san hô ngầm ven biển, cấm khai thác san hô.- Bảo vệ và PT nguồn lợi thuỷ sản.- Phòng chống ô nhiễm biển bởi các yếu tố hóa học, đặc biệt là dầu mỏ.  |

**Bài tập.**

Câu 1: Tình hình khai thác và chế biến khoáng sản ở nước ta hiện nay như thế nào ?

Câu 2: Việc phát triển tổng hợp giao thông vận tải biển ở nước ta có đặc điểm gì ?

Câu 3: Việc bảo vệ tài nguyên và môi trường biển – đảo ở nước ta hiện nay ra sao ?